

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI

DƯƠNG BÁ PHƯỢNG*

Khoa học xã hội ngày càng được khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội, trong công cuộc xây dựng CNXH, trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong phát triển toàn diện con người và trong bảo vệ Tổ quốc XHCN. Các kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội đã và đang góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền tảng tư tưởng, xác lập cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược và chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như trong việc khẳng định nguồn gốc truyền thống lịch sử và bản sắc văn hoá dân tộc...

Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội là loại hình hoạt động trí não hết sức đặc thù. Kết quả sản phẩm của nó mang tính giá trị định tính rất cao, khó có thể đánh giá đo lường chính xác về mặt định lượng. Việc đo lường, đánh giá số lượng thời gian lao động, cường độ và hiệu suất lao động đối với hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung đã khó, đối với khoa học xã hội càng gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Cho nên, việc đánh giá hiệu quả nghiên cứu trong khoa học xã hội phải có quy trình và phương pháp thích hợp.

1. Tính đặc thù của khoa học xã hội

Khoa học xã hội là một bộ phận trong hệ thống hoạt động Khoa học - Công nghệ, nó bao hàm tất cả những đặc điểm của Khoa học - Công nghệ, song cũng chứa đựng những đặc điểm riêng có, khác với khoa học tự nhiên và công nghệ.

Một là, khoa học xã hội vừa bao hàm nghiên cứu cơ bản, vừa nghiên cứu ứng dụng

Khoa học xã hội nghiên cứu mối liên hệ phổ biến, phát triển của những mối quan hệ con người trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Hướng

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Trung Bộ

đích cuối cùng của hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội là giúp cho con người và xã hội được phát triển một cách toàn diện, thích ứng với mọi đổi thay của môi trường tự nhiên, xã hội và tư duy. Theo đó, khoa học xã hội nước ta có nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, toàn diện về xã hội và con người Việt Nam, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách xây dựng và phát triển đất nước, góp phần nâng cao trình độ dân trí và phát triển nguồn nhân lực, thẩm định các chương trình dự án phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển chính bản thân nền khoa học xã hội Việt Nam. Như vậy, khoa học xã hội vừa bao hàm cả nghiên cứu cơ bản như lịch sử, văn học, triết học, kinh tế học, xã hội học... lẫn nghiên cứu ứng dụng như điều tra, thẩm định, đánh giá các chương trình, dự án phát triển...

Hai là, hoạt động khoa học xã hội gắn rất chặt với hoạt động chính trị

Lợi ích của hoạt động khoa học xã hội gắn liền với lợi ích chính trị và lợi ích giai cấp thông qua người sử dụng và mục đích sử dụng. Khoa học xã hội có nhiệm vụ cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách xây dựng và phát triển đất nước, phục vụ trực tiếp những chủ trương, đường lối chính trị của Đảng. Các vấn đề lý luận, lý thuyết, trong đó bao hàm các vấn đề lý luận chính trị cơ bản trực tiếp phục vụ quan điểm chính trị, đường lối, chính sách của Đảng. Các vấn đề gắn với nhiệm vụ quản lý kinh tế-xã hội, phục vụ thực hiện chức năng của các ngành và các địa phương trong chỉ đạo và quản lý phát triển kinh tế-xã hội. Các tổng kết khoa học của từng lĩnh vực khoa học xã hội tạo nên những công trình khoa học có giá trị. Nhiều nội dung nghiên cứu đó đều gắn chặt với yêu cầu chính trị và việc xác định phương hướng, yêu cầu nghiên cứu cho các nội dung này cần được sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng.

Ba là, nghiên cứu khoa học xã hội cơ bản dựa trên tư duy sáng tạo và kết quả của nó chủ yếu mang tính phát hiện và sáng tạo

Khoa học xã hội khác với khoa học tự nhiên và công nghệ ở chỗ không tiến hành nghiên cứu dựa trên các thực nghiệm ở phòng thí nghiệm mà dựa trên sự điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn để tổng kết, đúc rút, khái quát, phát hiện các quy luật... trên cơ sở đó nêu lên các luận điểm, luận cứ và các kết luận khoa học. Cho nên, kết quả nghiên cứu của khoa học xã hội ít mang tính phát minh, sáng chế mà chủ yếu mang tính phát hiện và sáng tạo. Tư duy sáng tạo trong nghiên cứu khoa học xã hội được thể hiện cả trong quá trình nghiên cứu tư liệu, khảo sát thực tiễn, tìm phương pháp tiếp cận thích hợp, trao đổi học thuật, tranh luận, lập luận trình bày, phân tích các quan điểm, cũng như trình bày kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu khoa học xã hội không thể chỉ thuần túy thông qua đọc sách, mà phải gắn kết với nghiên cứu phân tích thực tiễn để đánh giá xác nhận bản chất hiện tượng, sự vật và diễn biến các tình huống, vận dụng lý luận và tri thức kinh nghiệm để phân tích tổng hợp, làm cơ sở cho tư duy sáng tạo. Cho nên,

điều kiện đối với hoạt động khoa học xã hội phải đảm bảo cho cả các khâu: nghiên cứu tài liệu, tiếp nhận kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, điều tra nghiên cứu khảo sát phân tích thực tiễn, trao đổi hội thảo khoa học, tiếp xúc với khoa học thế giới, đúc kết đưa thành những phân tích diễn giải kết luận, luận điểm. Trong đó, quá trình điều tra, nghiên cứu, khảo sát, phân tích, đánh giá thực tiễn là hết sức quan trọng và thường phải triển khai trên bình diện rộng, qui mô lớn và với phạm vi không gian rộng lớn. Vì vậy, chi phí nghiên cứu thường phải cao và đầu tư chi phí cho lao động sống, trực tiếp cho con người chiếm tỷ trọng chủ yếu, lớn hơn nhiều so với lao động vật hoá...

Bốn là, khoa học xã hội rất khó lượng hoá các sản phẩm và kết quả nghiên cứu

Sản phẩm của khoa học xã hội thường là các trang tác giả thể hiện ý tưởng, sự kiến giải và các đề xuất về lý luận và thực tiễn của tác giả. Tùy theo từng lĩnh vực khoa học xã hội mà yêu cầu về sản phẩm không giống nhau. Thông thường đó là một báo cáo tổng quan, một báo cáo tổng hợp, các báo cáo chuyên đề và báo cáo kiến nghị. Cũng có thể là các báo cáo đánh giá kết quả khai quật, điều tra, khảo sát, phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm... Độ dài của các báo cáo này thường rất khác nhau. Đặc biệt, đầu tư chi phí lao động (chất xám) cho các báo cáo không giống nhau. Có những báo cáo mặc dù có số trang rất nhiều, song đầu tư chi phí thời gian và cường độ lao động (chất xám) lại không nhiều, trong khi có những báo cáo với độ dài số trang rất ít nhưng lại phải đầu tư chi phí thời gian và cường độ lao động (chất xám) rất nhiều, nhất là các báo cáo kết luận, kiến nghị của đề tài. Đỉnh cao tri thức là ở các báo cáo kiến nghị, tuy viết ngắn nhưng tinh hoa của những ý tưởng nghiên cứu được rút ra từ công trình nghiên cứu trong nhiều năm. Do vậy, việc tìm định chuẩn về lượng (số trang, độ dài, các loại hình sản phẩm...) để đánh giá kết quả và đặc biệt khi dùng chúng để làm căn cứ chi trả thù lao, phải hết sức linh hoạt và phù hợp.

Năm là, khoa học xã hội khó đánh giá về chất lượng nhưng không phải là không đánh giá được

Về cơ bản, đánh giá chất lượng trong khoa học xã hội khác xa với khoa học tự nhiên và công nghệ. Nó là kết quả của những quá trình suy nghĩ nghiên ngẫm về những ý tưởng đề xuất được xã hội thừa nhận, nhất là được giới chuyên môn đánh giá cao. Mức cao thấp thể hiện ở thang điểm trên cơ sở các tiêu chí: ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn của đề tài, những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn, những đề xuất kiến nghị có tính khả thi cho công tác hoạch định chính sách kinh tế, xã hội và văn hoá... Tuy vậy, đó vẫn chỉ là những đánh giá mang tính ước lệ, tùy thuộc vào nhãn quan của người đánh giá và thời điểm lịch sử của những điều kiện chính trị-xã hội qui định. Trên thực tế, có những đề xuất kiến nghị không được đánh giá tốt của ngày hôm nay (vì chưa vận dụng được) nhưng lại là những đề xuất kiến nghị rất có giá trị cho những thời kỳ

phát triển tiếp theo. Chẳng hạn, tư tưởng chủ động hội nhập quốc tế được manh nha từ sau “Đổi mới”, nhưng phải đến Đại hội IX của Đảng, đề xuất này của giới khoa học xã hội mới được đưa vào cuộc sống, như một tư tưởng chỉ đạo về mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước ta. Hoặc rất nhiều phát hiện, đánh giá về lịch sử - khảo cổ đúng nhưng phải đến hàng chục năm sau mới được thừa nhận. Cho nên, ở tại thời điểm đánh giá, khó có thể nói rằng một công trình khoa học xã hội này là chất lượng tốt hoặc không có chất lượng. Việc đánh giá chất lượng các kết quả nghiên cứu của khoa học xã hội ở một thời điểm nhất định là hoàn toàn mang tính tương đối và phải chờ thực tiễn kiểm nghiệm, song không thể không đánh giá được. Nhìn chung, tiêu chí đánh giá phải đảm bảo tính logic, hợp quy luật, sát thực tiễn và được đông đảo giới học thuật khoa học xã hội lúc bấy giờ thừa nhận.

Sáu là, hiệu quả của nghiên cứu khoa học xã hội là tổng hợp của nhiều loại hiệu quả, trong đó quan trọng nhất là hiệu quả chính trị-xã hội.

Tác động của các kết quả nghiên cứu khoa học xã hội đối với xã hội thường rộng lớn, lâu dài và toàn diện, nhất là khi nó được sử dụng để hoạch định đường lối, chính sách, tạo ra nguyên lý phát triển xã hội. Mỗi một kết quả nghiên cứu khoa học xã hội được thể hiện ở các mặt về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả chính trị-tư tưởng, hiệu quả khoa học... Trong đó, những hiệu quả không trực tiếp đo đếm được và tác động gián tiếp lại rất lớn và quan trọng. Những mặt hiệu quả này không thể nhận thấy được trong một thời gian ngắn, ngay sau khi kết quả nghiên cứu khoa học xã hội được ứng dụng, mà *nhiều khi phải tới hàng chục năm mới thấy rõ hiệu quả*. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học xã hội tuy được đánh giá rất tốt, song không dễ được ứng dụng ngay vào thực tế, bởi còn phụ thuộc vào nhiều điều kiện như: về cơ chế, nguyên tắc tổ chức quản lý và về yêu cầu đảm bảo sự ổn định chính trị-xã hội... Việc có ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học xã hội vào thực tế hay không còn phụ thuộc vào quan điểm và thái độ tiếp nhận của các cơ quan quản lý có trách nhiệm. Vì vậy, không thể thuần túy nhìn vào khía cạnh hiệu quả trước mắt hoặc chỉ đơn thuần xét trên bình diện hiệu quả kinh tế để cân nhắc mức độ đầu tư hoặc nhận xét đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội, mà *phải xét trên quan điểm hiệu quả tổng hợp, lâu dài và toàn diện*, trong đó đặc biệt chú ý tới hiệu quả chính trị-xã hội.

Bảy là, hoạt động khoa học xã hội đòi hỏi quá trình tự đào tạo, tích lũy kinh nghiệm kiến thức khá lâu dài mới đủ độ chín trong nghiên cứu

Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội là hoạt động tổng kết, đúc rút, phân tích, khái quát nên tích lũy kiến thức (cả kiến thức sách vở lẫn kiến thức thực tế) và kinh nghiệm nghiên cứu cá nhân đóng vai trò rất quan trọng. Những người làm công tác nghiên cứu khoa học xã hội không thể chỉ sau khi có các bằng cấp, học vị là đã làm tốt công tác nghiên cứu, mà trái lại, học tập suốt đời, tự đào tạo liên tục

và tích lũy kinh nghiệm được coi là tiêu chuẩn quan trọng để các nhà khoa học xã hội chín muồi trong nghiên cứu. Nếu như các nhà khoa học tự nhiên và công nghệ có thể có các bằng phát minh, sáng chế từ lứa tuổi dưới 40 thì các nhà khoa học xã hội để có được những cống hiến sáng tạo có giá trị dứt khoát phải có tuổi đời trên 40 tuổi, thậm chí có những người phải đến tuổi sắp về hưu mới có những đóng góp. Đây là điểm rất cần lưu ý khi xây dựng hệ chính sách đãi ngộ cho các nhà nghiên cứu khoa học xã hội.

2. Một số ý kiến về quy trình và phương pháp đánh giá hiệu quả nghiên cứu trong khoa học xã hội

Đánh giá hiệu quả trong nghiên cứu khoa học nói chung, khoa học xã hội nói riêng luôn là vấn đề day dứt đối với các nhà quản lý nói chung, các nhà quản lý khoa học - công nghệ nói riêng. Xuất phát từ những đặc điểm đặc thù của khoa học xã hội nói trên, việc đánh giá hiệu quả cũng như đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học xã hội phải có quy trình và phương pháp thích hợp.

Công tác nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu hoàn thành của các đề tài, dự án là điều kiện và giải pháp quan trọng bậc nhất (không thể thiếu) nhằm đảm bảo đề đổi mới cơ chế quản lý đối với khoa học xã hội, nhất là khi thực hiện khoán kinh phí. Việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học nói chung và cơ chế quản lý tài chính theo hướng khoán kinh phí gắn chặt với kết quả đầu ra chỉ thực hiện được và thực hiện có hiệu quả khi công tác nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án tiến hành một cách nghiêm túc, khách quan, đánh giá đúng chất lượng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án.

Nghiệm thu, đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu là cơ sở để quản lý tài chính có hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học xã hội không hoàn toàn giống với các công trình nghiên cứu về khoa học - kỹ thuật, càng không thể giản đơn như xem xét giá trị sử dụng của một loại hàng hoá thông thường. Vì vậy, cần phải có những quy trình và phương pháp nghiệm thu, đánh giá thích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội mang lại hiệu quả thiết thực.

Nhìn chung, **phổ biến hiện giá trị của một công trình nghiên cứu khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng là khá rộng**. Ngay từ khi xây dựng đề cương, hình hài cơ bản của công trình nghiên cứu khoa học đã có thể thể hiện qua mục tiêu nghiên cứu, vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết, nội dung và phương pháp nghiên cứu... Theo đà triển khai của các đề tài, dự án, các thuộc tính của công trình dần tiếp tục bộc lộ; tuy nhiên chưa thể bộc lộ hoàn toàn tại thời điểm đề tài, dự án vừa mới hoàn thành. *Ý nghĩa đích thực hàm chứa trong sản phẩm của các nhà khoa học sẽ được khẳng định thông qua sự thừa nhận của xã hội hoặc ứng dụng thành công vào thực tế*. Nghĩa là, người ta có thể nhận biết giá trị của một đề tài nghiên cứu khoa học ở nhiều

thời điểm khác nhau nhưng không hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, *qui trình đánh giá cần tiến hành theo nhiều vòng, nhiều thời điểm và thích hợp với mỗi thời điểm có những phương pháp đánh giá khác nhau.*

Nhược điểm cách tiếp cận của hệ thống đánh giá hiện nay chính là sự quy tụ, đặt trọng tâm đánh giá vào một thời điểm không thích hợp. Nghiệm thu đề tài phải gánh vác cả những nội dung lẽ ra đã được làm rõ từ trước - khâu xét duyệt đề cương nghiên cứu, đồng thời lại ôm đồm cả các nội dung chỉ có thể sáng tỏ sau này - khi kết quả nghiên cứu được xã hội và thực tế kiểm định, thừa nhận. Điều này đã khiến cho quá trình đánh giá nghiệm thu đề tài vừa không có mục đích rõ ràng, vừa quá tham vọng. Bởi vì, khó có thể đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội của các đề tài, dự án khi kết quả nghiên cứu vừa mới hoàn thành.

Đổi mới phương thức đánh giá đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cần khai thác các cơ hội đánh giá khác nhau và sử dụng từng cơ hội theo đúng ý nghĩa, vị trí của nó. Việc xem xét tiềm năng khoa học và khả năng đầu tư kinh phí nên tiến hành ngay từ khâu đề cương nghiên cứu.

Đánh giá đề cương nghiên cứu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc lựa chọn ra nhà khoa học phù hợp với đề tài nghiên cứu và có khả năng đảm nhiệm tốt nhất vai trò chủ nhiệm đề tài. Tại đây cũng ghi nhận những cam kết của các nhà khoa học nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Cho nên, cách thức đánh giá không thể giản đơn, mang tính hình thức. Việc thực hiện đề cương là các chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học chuyên ngành, bởi vậy phải giả định họ đã hiểu biết khá sâu sắc về chủ đề nghiên cứu. Đồng thời, họ còn là những nhà khoa học có tâm huyết và những nhà quản lý sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực mà đề tài nghiên cứu, từng trần trở về chủ đề có liên quan. Do đó, *mục tiêu đánh giá đề cương là nhằm xác định khả năng giải quyết vấn đề*, chứ không phải hiểu biết kiến thức nói chung. Nghĩa là, việc đánh giá đề cương phải nhằm vào mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện... với các câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu, phương pháp và định hướng giải quyết những câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu. Hình thức đánh giá nên kết hợp đánh giá công khai với đánh giá kín (giữa người đánh giá và người được đánh giá) và đánh giá độc lập (giữa các thành viên đánh giá)...

Đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án hoàn thành (và các cuộc kiểm tra đánh giá định kỳ) là sự tiếp nối của đánh giá đề cương sau khi tác giả đã có những điều kiện (kinh phí, thời gian, nhân lực...) thực hiện các ý đồ của mình. *Mục đích của đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu nhằm xác định mức độ thực hiện các cam kết và mức độ giải quyết các vấn đề đã được đặt ra từ đề cương ban đầu.* Phạm vi nội dung của đánh giá nghiệm thu chỉ xem xét những khía cạnh có liên quan đến việc giải quyết các vấn đề đặt ra ở đề cương nghiên cứu. Chỉ có quyền đòi hỏi chủ nhiệm đề tài, dự án phải thực hiện những cam kết nêu trong đề cương nghiên cứu. Trên cơ sở mức độ giải quyết các vấn đề đặt ra,

đưa ra những kiến nghị cụ thể : *Có hay không ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế, định hướng ứng dụng vào thực tế như thế nào*; thay vì phải nhận định về ý nghĩa thực tiễn chung chung của công trình nghiên cứu.

Công tác nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án về khoa học xã hội nhìn chung hiện còn có tham vọng quá lớn, thiếu mục tiêu cụ thể và còn nhiều nể nang dẫn tới việc đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án có nơi, có lúc còn thiếu khách quan, chưa chính xác và không thật sự nghiêm túc. Cho nên, trên cơ sở đổi mới phương pháp đánh giá nghiệm thu theo hướng *khuôn nhiệm vụ đánh giá theo đề cương được duyệt, phải nâng cao phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án*. Thành lập Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu phải bao gồm các nhà khoa học có phẩm chất tốt, trình độ hiểu biết sâu rộng trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án, phải thật sự khách quan, trung thực và công tâm. Hội đồng phải có trách nhiệm về kết luận nghiệm thu đánh giá của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học - công nghệ các cấp. Cần kết hợp việc đánh giá nghiệm thu công khai với hình thức đánh giá (phản biện) kín (giữa người đánh giá và người được đánh giá) và đánh giá độc lập (giữa các thành viên đánh giá) ... nhằm tăng tính khách quan, trung thực và nghiêm túc trong đánh giá nghiệm thu.

Quy trình đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng ***không dừng lại ở đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án hoàn thành mà phải tiếp tục ở những thời điểm tiếp theo để xác định hiệu quả kinh tế - xã hội của nó.***

Sau 3- 5 năm, kể từ khi đề tài, dự án hoàn thành nghiệm thu, cần tiến hành đánh giá mức độ chấp nhận của xã hội về các kết quả nghiên cứu của đề tài. Tại thời điểm này, việc đánh giá cần làm rõ mức độ thừa nhận của xã hội, mức độ và phạm vi ứng dụng đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án ra sao. Cụ thể là, các kết luận và kiến nghị của đề tài được các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách và các cơ quan quản lý các cấp sử dụng được bao nhiêu, sử dụng như thế nào và sử dụng ở đâu? Các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án đã được công bố bằng những ấn phẩm gì, ở đâu, bao nhiêu ấn phẩm và dư luận xã hội phản ứng (thừa nhận, tiếp thu hay phản đối) ra sao với các kết quả nghiên cứu đã được công bố.

Trong thời gian từ 10 - 20 năm, sau khi đề tài, dự án hoàn thành nghiệm thu, cần tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các công trình nghiên cứu. Tại thời điểm này, cần đánh giá những kết luận và kiến nghị của các đề tài, dự án được các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các cơ quan (đơn vị) quản lý sản xuất kinh doanh sử dụng, để hình thành những đường lối, chính sách, giải pháp quản lý mới... và chúng đã tác động tới tình hình kinh tế - xã hội, tới tình hình sản xuất - kinh doanh

của các doanh nghiệp ra sao, đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội như thế nào? Cần phải lượng hoá được hiệu quả kinh tế - xã hội thu được, so sánh đối chiếu với mức độ đầu tư để làm rõ mức độ hiệu quả của chúng.

Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ ngành, cấp địa phương, *định kỳ 3 - 5 năm và 10 - 20 năm, cần phải thành lập các Hội đồng đánh giá mức độ tác động thực tiễn và hiệu quả kinh tế - xã hội đối với kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án.* Trên cơ sở đó, hàng năm các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ lập báo cáo với Chính phủ, Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh (thành phố) đánh giá mức độ tác động thực tiễn và hiệu quả kinh tế - xã hội của các công trình nghiên cứu về khoa học - công nghệ nói chung, về khoa học xã hội nói riêng *theo chu kỳ trung hạn (3 - 5 năm) và chu kỳ dài hạn (10 - 20 năm).* Theo đó, tạo cơ sở để nhìn nhận đánh giá đúng hiệu quả đầu tư cho khoa học - công nghệ nói chung, cho khoa học xã hội nói riêng, đồng thời điều chỉnh hệ thống đề tài, dự án và điều chỉnh hướng đầu tư ngân sách cho hoạt động khoa học - công nghệ.

Tóm lại, việc đánh giá hiệu quả trong nghiên cứu khoa học xã hội không chỉ dừng lại ở thời điểm đề tài, dự án hoàn thành nghiệm thu kết quả nghiên cứu, mà phải là một quá trình với nhiều chu kỳ khác nhau: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trong đó, cần đặc biệt chú ý tới chu kỳ đánh giá trung hạn và dài hạn để xác định rõ hiệu quả kinh tế - xã hội của các công trình nghiên cứu khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996, 2001, 2006): *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997): *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Xuân Nam (chủ biên) (2005): *Triết lý phát triển ở Việt Nam - Một vấn đề cốt yếu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002): *Một số vấn đề về triết học - con người - xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Khánh Toàn (1999): *Khoa học xã hội và nhân văn (tuyển tập)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Ngọc Thêm (2008): *Nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội - nhân văn*; trong *Niên giám thông tin khoa học xã hội số 3*, Chủ biên: Nguyễn Văn Dân (Chủ biên) (2008), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. *Luật khoa học và công nghệ* (2000), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2001): *Khoa học và công nghệ Việt Nam 1996 - 2000*, Hà Nội.
9. Bộ Khoa học, Công nghệ (2002): *Khoa học và công nghệ Việt Nam 2001*, Hà Nội.
10. Nguyễn An Ninh (2008): *Phát huy tiềm năng trí thức khoa học xã hội Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

